

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện lập điều chỉnh cục bộ
quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh (đợt 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 8435/TTr-STC ngày 10/7/2026 về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh (đợt 1); kèm theo Công văn số 5031/SXD-QH ngày 15/5/2026 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh (đợt 1), với các nội dung chính như sau:

1. Nguyên tắc hỗ trợ:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung liên xã, phường và điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thuộc các xã miền núi; hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thuộc các xã đồng bằng, ven biển theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 8340/UBND-CNXXDKH ngày 10/5/2026.

- Nhu cầu kinh phí lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung các xã xác định trên cơ sở khái toán theo đề xuất của Sở Xây dựng tại Công văn số 5031/SXD-QH ngày 15/5/2026: Đối với các xã đồng bằng, ven biển 250 triệu đồng/xã; đối với các xã miền núi 200 triệu đồng/xã, nhưng không vượt mức đề xuất của các xã, phường.

2. Kinh phí hỗ trợ: 14.738.000.000 đồng (*Mười bốn tỷ, bảy trăm ba mươi tám triệu đồng*).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế (Kinh phí lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và hỗ trợ các nhiệm vụ về đất đai do NSNN đảm bảo) theo Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XI và các đơn vị liên quan, căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để tổ chức thực hiện. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

3. UBND các xã triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục đảm bảo tiến độ hoàn thành; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng tiêu chuẩn, định mức, mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà

nước, Luật Xây dựng và các quy định khác của pháp luật; chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, tính pháp lý của nội dung đề xuất hỗ trợ kinh phí theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã *(theo biểu đính kèm)*; Trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng Hành chính - Tổ chức (để đăng tải);
- Lưu: VT, KTTT (TĐN73758).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Hùng

Phụ lục
Hỗ trợ kinh phí thực hiện lập điều chỉnh cục bộ
Quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh (đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Địa phương	Dự toán kinh phí	Ghi chú
	Tổng cộng	14.738.000.000	
I	Các xã đồng bằng, ven biển	3.772.000.000	Hỗ trợ 50% số khái toán tối đa do Sở Xây dựng đề xuất (250 triệu đồng)
1	Xã Hoằng Lộc	125.000.000	
2	Xã Hoằng Giang	125.000.000	
3	Xã Quảng Ninh	102.000.000	
4	Xã Lưu Vệ	115.000.000	
5	Xã Thọ Xuân	125.000.000	
6	Xã Xuân Tín	125.000.000	
7	Xã Xuân Lập	125.000.000	
8	Xã Hà Trung	122.000.000	
9	Xã Vạn Lộc	125.000.000	
10	Xã Hoa Lộc	125.000.000	
11	Xã Nga Sơn	125.000.000	
12	Xã Tân Tiến	77.000.000	
13	Xã Lĩnh Toại	96.000.000	
14	Xã Hồ Vương	125.000.000	
15	Xã Nga Thắng	124.000.000	
16	Xã Ba Đình	125.000.000	
17	Xã Nga An	57.000.000	
18	Xã Công Chính	79.000.000	
19	Xã Thắng Lợi	125.000.000	
20	Xã Tượng Lĩnh	125.000.000	
21	Xã Thăng Bình	125.000.000	
22	Xã Trường Văn	88.000.000	
23	Xã Thiệu Toán	125.000.000	
24	Xã Yên Định	125.000.000	

STT	Địa phương	Dự toán kinh phí	Ghi chú
25	Xã Quý Lộc	125.000.000	
26	Xã Yên Phú	125.000.000	
27	Xã Triệu Sơn	125.000.000	
28	Xã Hợp Tiến	77.000.000	
29	Xã Thọ Phú	95.000.000	
30	Xã An Nông	125.000.000	
31	Xã Kim Tân	124.000.000	
32	Xã Thạch Bình	116.000.000	
33	Xã Như Thanh	125.000.000	
II	Các xã miền núi	10.966.000.000	Hỗ trợ 100% số khái toán tối đa do Sở Xây dựng đề xuất (200 triệu đồng)
34	Xã Thọ Bình	200.000.000	
35	Xã Nguyệt Ấn	200.000.000	
36	Xã Cẩm Thủy	200.000.000	
37	Xã Cẩm Vân	199.000.000	
38	Xã Cẩm Tân	199.000.000	
39	Xã Cẩm Tú	124.000.000	
40	Xã Cẩm Thạch	200.000.000	
41	Xã Thạch Quảng	200.000.000	
42	Xã Vân Du	200.000.000	
43	Xã Thành Vinh	200.000.000	
44	Xã Yên Thọ	200.000.000	
45	Xã Mậu Lâm	200.000.000	
46	Xã Xuân Du	190.000.000	
47	Xã Xuân Thái	193.000.000	
48	Xã Luận Thành	200.000.000	
49	Xã Thắng Lộc	200.000.000	
50	Xã Tân Thành	199.000.000	
51	Xã Xuân Chinh	200.000.000	
52	Xã Vạn Xuân	160.000.000	
53	Xã Bát Mọt	197.000.000	
54	Xã Như Xuân	200.000.000	

STT	Địa phương	Dự toán kinh phí	Ghi chú
55	Xã Hóa Quỳ	200.000.000	
56	Xã Thanh Quân	122.000.000	
57	Xã Thanh Phong	199.000.000	
58	Xã Thượng Ninh	198.000.000	
59	Xã Linh Sơn	200.000.000	
60	Xã Giao An	200.000.000	
61	Xã Đồng Lương	199.000.000	
62	Xã Văn Phú	200.000.000	
63	Xã Yên Khương	200.000.000	
64	Xã Bá Thước	199.000.000	
65	Xã Văn Nho	166.000.000	
66	Xã Điền Quang	200.000.000	
67	Xã Thiết Ống	200.000.000	
68	Xã Điền Lư	200.000.000	
69	Xã Quý Lương	200.000.000	
70	Xã Cổ Lũng	200.000.000	
71	Xã Quan Sơn	200.000.000	
72	Xã Tam Lư	200.000.000	
73	Xã Trung Hạ	152.000.000	
74	Xã Mường Mìn	200.000.000	
75	Xã Sơn Điện	200.000.000	
76	Xã Na Mèo	200.000.000	
77	Xã Tam Thanh	200.000.000	
78	Xã Sơn Thủy	200.000.000	
79	Xã Hồi Xuân	185.000.000	
80	Xã Nam Xuân	200.000.000	
81	Xã Thiên Phú	103.000.000	
82	Xã Hiền Kiệt	200.000.000	
83	Xã Trung Thành	200.000.000	
84	Xã Phú Xuân	198.000.000	
85	Xã Trung Sơn	126.000.000	
86	Xã Mường Chanh	200.000.000	

STT	Địa phương	Dự toán kinh phí	Ghi chú
87	Xã Nhi Sơn	200.000.000	
88	Xã Pù Nhi	161.000.000	
89	Xã Quang Chiêu	198.000.000	
90	Xã Trung Lý	200.000.000	
91	Xã Mường Lý	156.000.000	
92	Xã Tam Chung	143.000.000	